

Số: 3335/KH-UBND

Kon Tum, ngày 08 tháng 12 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2018

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 3490/QĐ-BNV ngày 10/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020";

Căn cứ Kế hoạch số 995/KH-UBND ngày 18/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn năm 2018, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

b) Các chỉ tiêu cụ thể

- Tối thiểu 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động; tối thiểu 30% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức (Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thực hiện; Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp).

- 100% nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành đúng tiến độ (*Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thực hiện; Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp*).

- 100% văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành trong năm 2018 được triển khai kịp thời (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai; Sở Tư pháp chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm triển khai; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh được công bố kịp thời (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% số xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính (*Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm triển khai; Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị được công khai tại trụ sở và trên trang thông tin điện tử cơ quan trực tiếp giải quyết (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai; Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 80% văn bản không thuộc chế độ mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh dưới dạng điện tử (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai; Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- Tăng thêm tối thiểu 35 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được triển khai cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai; Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng, duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (sau đây gọi tắt là Hệ thống quản lý chất lượng) và công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng đúng quy định (*Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai; Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 70% số cơ quan hành chính cấp xã thuộc mỗi huyện, thành phố xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm triển khai; Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc).

2. Yêu cầu

- Công tác cải cách hành chính phải được thực hiện đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 -2020 (cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công).

- Các cơ quan, đơn vị phải phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hiệu quả, thực chất, hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi; thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp.

b) Triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nhất là các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực kể từ năm 2018.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát thủ tục hành chính và đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

b) Tăng cường công tác rà soát, thống kê thủ tục hành chính theo từng ngành, lĩnh vực; thường xuyên theo dõi, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền để công bố kịp thời các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, ban hành mới.

c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính một cách đầy đủ, kịp thời, đúng quy định để phục vụ nhu cầu tra cứu của các tổ chức, cá nhân.

d) Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính; tăng cường giải đáp trực tuyến vướng mắc của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

a) Triển khai thực hiện các chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Trong đó, tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị hành chính theo hướng tinh gọn đầu mối, kiên quyết cắt giảm số lượng phòng, chi cục, trung tâm, ban quản lý dự án và đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, tiến hành kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

b) Tiếp tục rà soát, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện để điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị theo quy định.

c) Đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan nhà nước, tăng cường sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến đối với các cuộc họp giữa cơ quan cấp tỉnh với các đơn vị cấp huyện.

d) Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu quả, trách nhiệm trong việc phối hợp giải quyết công việc liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực; tiếp tục rà soát quy định về phân cấp quản lý trên các lĩnh vực để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

e) Rà soát, thống kê, đánh giá tình hình hoạt động để giải thể các Ban Chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh không cần thiết, không còn phù hợp với tình hình thực tế.

g) Thực hiện có hiệu quả, thực chất cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đối với tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

h) Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức; bố trí công chức, viên chức đúng yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn từng vị trí việc làm.

b) Tiếp tục triển khai rà soát, quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm công chức, vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo danh mục đã được phê duyệt. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.

c) Tiếp tục đổi mới phương thức, nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thực hành, tham quan thực tế; ban hành kịp thời và triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2018.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

đ) Thực hiện tốt chế độ chính sách liên quan đến tiền lương, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật... đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

e) Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra công vụ bằng nhiều hình thức (*thường xuyên, đột xuất, chuyên đề*), tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đẩy mạnh việc thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Tiếp tục thực hiện công tác xã hội hóa đối với một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công", trong đó tập trung vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể dục, thể thao.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh: Tăng cường ứng dụng chữ ký số; sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động nội bộ từng cơ quan, đơn vị và giữa các cơ quan, đơn vị; sử dụng hộp thư điện tử công vụ để gửi và nhận văn bản giữa các cơ quan; phát huy tối đa tính năng của các phần mềm công nghệ thông tin đã được triển khai.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

c) Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 phục vụ nhu cầu giao dịch của cá nhân, tổ chức theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017; Kế hoạch số 2300/KH-UBND ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là cơ quan hành chính cấp xã; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị, địa phương.

đ) Tiếp tục đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã theo Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã, phòng bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành và tuyên truyền cải cách hành chính

a) Ban hành kịp thời Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh trên địa bàn tỉnh năm 2019; thực hiện tốt công tác báo cáo cải cách hành chính định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra cải cách hành chính; gắn công tác kiểm tra với công tác đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai thực hiện Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017 - 2020.

d) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền cải cách hành chính đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân bằng các hình thức đa dạng, nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các chuyên mục cải cách hành chính trên sóng truyền hình.

đ) Tiếp tục thực hiện các biện pháp, giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

e) Tiếp tục gắn kết quả cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện cải cách hành chính.

(Có Phụ lục nhiệm vụ cải cách hành chính cụ thể năm 2018 kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ, có trách nhiệm với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao tại Kế hoạch này.

b) Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiểm tra cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề vướng mắc phát sinh và cơ quan, đơn vị không thực hiện hoặc chậm thực hiện các nhiệm vụ được giao để có biện pháp chỉ đạo, xử lý.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ số thành phần của Chỉ số PAR index "Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính", "Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước", "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức".

3. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách thể chế.

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ số thành phần "Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh".

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết

quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần về áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần về ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác cải cách tài chính công.

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả chỉ số thành phần "Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập".

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập, sử dụng dự toán và thanh quyết toán kinh phí phục vụ công tác cải cách hành chính. Phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã theo Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

b) Triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các

biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp y tế.

b) Triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

11. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính; công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Triển khai có hiệu quả Đề án Đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ số thành phần "Cải cách thủ tục hành chính", "Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông".

12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên mục về cải cách hành chính.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính do các cơ quan, đơn vị cân đối trong dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có). Trường hợp vượt quá khả năng, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH2 *TH2*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Kon Tum)

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1.	Ban hành Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước	Quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	31/01/2018
2.	Ban hành Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	31/01/2018
3.	Theo dõi thi hành pháp luật năm 2018	Kế hoạch, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Báo cáo gửi Bộ Tư pháp trước 15/10/2018
4.	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2018	Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	31/12/2018
5.	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2018	Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	31/12/2018

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
6.	Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành trong năm 2018	Văn bản triển khai của Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành (<i>văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương điều chỉnh ngành, lĩnh vực nào thì Sở, ban, ngành quản lý ngành, lĩnh vực đó phải chủ trì tham mưu</i>).	- Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc; - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Thực hiện theo thời hạn được giao trong văn bản hoặc chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành
II CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG					
1.	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018	Kế hoạch, báo cáo kết quả rà soát, đánh giá	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Ban hành Kế hoạch trước 31/01/2018. - Hoàn thành báo cáo trước 30/11/2018.

Đ

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
2.	Công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành
3.	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	Thủ tục hành chính được công khai	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành có liên quan	Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố
4.	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị được công khai tại trụ sở và trên trang thông tin điện tử cơ quan trực tiếp giải quyết	Thủ tục hành chính được công khai	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố
5.	Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Hội nghị tập huấn	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã	30/6/2018

Đu

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
6.	Khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (tối thiểu 02 dịch vụ hành chính công được khảo sát)	Báo cáo kết quả khảo sát	Sở Nội vụ	Các đơn vị có liên quan	30/9/2018
III CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
1.	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện; việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã thuộc lĩnh vực quản lý công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức (tối thiểu 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra)	Kế hoạch, báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra; văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (nếu có)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	- Ban hành Kế hoạch trước 30/4/2018 - Hoàn thành báo cáo trước 30/11/2018 - Xử lý hoặc kiến nghị xử lý (nếu có) trước 31/12/2018
2.	Rà soát, thống kê, đánh giá hiệu quả hoạt động đề giải thể các Ban Chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh không cần thiết, không còn phù hợp	Báo cáo kết quả	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	31/8/2018
IV XÂY DỰNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC					
1.	Rà soát, quy định bản mô tả công việc và khung năng lực các danh mục vị trí việc làm công chức theo danh mục đã được phê duyệt	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Nội vụ	30/4/2018

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
2.	Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	Báo cáo kết quả rà soát	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	31/10/2018
V	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1.	Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị cấp xã (<i>phần đầu năm 2018 đạt 100% số xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế tự chủ</i>)	Các quyết định giao quyền tự chủ	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Sở Tài chính	30/11/2018
2.	Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 2036/KH-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh	Quyết định ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công; sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công	Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực (<i>phần công tại Kế hoạch số 2036/KH-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh</i>)	Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	30/11/2018
VI	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH				
1.	Thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước năm 2018	Báo cáo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	30/11/2018
2.	Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	30/11/2018

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3.	Triển khai cung cấp tối thiểu 35 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	30/11/2018
4.	Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum	Quyết định phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	30/11/2018
5.	80% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh dưới dạng điện tử	Văn bản điện tử	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2018
6.	Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	100% sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng, duy trì có hiệu quả ISO và công bố lại ISO đúng quy định	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2018
7.	Tiếp tục triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính cấp xã (đến 30/11/2018 có ít nhất 70% số cơ quan hành chính cấp xã thuộc mỗi huyện, thành phố xây dựng và áp dụng ISO)	Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, đôn đốc. - Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, tập huấn	30/11/2018

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
8.	Kiểm tra việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện	Kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan có liên quan	- Ban hành Kế hoạch trước 28/02/2018 - Báo cáo kết quả trước 30/11/2018
VII CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1.	Tổ chức Hội nghị đánh giá, đề xuất các biện pháp, giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính	Hội nghị	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 01 tháng sau khi Chỉ số cải cách hành chính được công bố
2.	Tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm trong công tác xây dựng kế hoạch và công tác báo cáo, thống kê về cải cách hành chính	Hội nghị	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	31/3/2018
3.	Kiểm tra đột xuất công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2018	Kế hoạch của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị được kiểm tra	- Ban hành Kế hoạch trước 31/01/2018. - Thực hiện thường xuyên trong năm 2018.

A

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4.	Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2019	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	30/11/2018
5.	Kiểm tra, chấm điểm công tác cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2018	Biên bản kiểm tra	Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh	Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Ban hành Kế hoạch trong tháng 10/2018. - Hoàn thành kiểm tra trước 20/12/2018.
6.	Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2018 đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân tỉnh	Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	15/01/2019